

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HC - ST.
Ngày: 03 - 10 - 2019
“V/v: Khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Sơn

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Huy Lợi

Bà Bùi Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính thụ lý số 17/2019/TLST-HC ngày 04/01/2019 về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2019/QĐXXST - HC ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự;

Người khởi kiện: + Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; vắng mặt

+ Bà Trương Thị O, sinh năm 1961; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Ng, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Phòng 301 Chung cư Yên H, số 9A đường Nguyễn Tr, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An; có mặt

Người bị kiện: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Nghệ An.

+ Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số 27, đường Lê M, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ Ch - Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An (theo Quyết định ủy quyền số 791/QĐ - UBND ngày 19/02/2019); vắng mặt

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T - chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (theo Giấy ủy quyền ngày 10/4/2019); vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An, Ủy ban nhân dân thành phố V đã có quyết định thu hồi đất thửa số 258 tờ bản đồ số 23, diện tích toàn thửa là 4.222,8m², ông C bà O cho rằng gia đình ông đang sử dụng diện tích 360m² trong thửa đất bị thu hồi nhưng gia đình không được nhận quyết định thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Sau tìm hiểu mới biết do Ủy ban nhân dân phường Quán B xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất. Gia đình ông đã có đơn xin xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất nhưng không được giải quyết sau đó ông đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V đã ban hành Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) nhưng ông C, bà O không chấp nhận.

Ngày 09/10/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C trú tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Hủy quyết định hành chính liên quan là Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

+ Buộc Ủy ban nhân dân phường Quán B xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa số 258, tờ bản đồ số 23, diện tích 360m² (trong toàn thửa là 4.222,8m²) tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An

+ Yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 360m² đất, thửa số 258, tờ bản đồ số 23 cho gia đình ông bà.

Lý do khởi kiện: Ông C bà O cho rằng một phần thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, diện tích 360m² (trong toàn thửa là 4.222,8m²) tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An do gia đình khai hoang năm 1976, đến năm 1979 nhập vào HTX sản xuất chung, năm 1992 hợp tác xã Hưng Đ II chia đất lâu dài và thực hiện chính sách bù rút, năm 1994 không thực hiện chính sách bù rút nữa nên gia đình vẫn sử dụng đất và nộp sản lượng đầy đủ, quá trình sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp ổn định, không tranh chấp với ai, đến năm 2011 do làm đường Lê N bị ngập nên không sản xuất. Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư, Ủy ban nhân dân thành phố V đã có quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất. Diện tích 360m² đất của gia đình sản xuất nằm trong

tổng diện tích thửa đất bị thu hồi nhưng do Ủy ban nhân dân phường Quán B xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất nên gia đình không được bồi thường, hỗ trợ về đất là không đúng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông bà.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C đối với Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Ủy ban nhân dân thành phố V đã tiến hành thành lập đoàn kiểm tra xác minh giải quyết khiếu nại. Liên quan đến việc ông C bà O yêu cầu xác nhận gia đình ông bà là chủ sử dụng một phần thửa số 258, tờ bản đồ số 23, phường Quán B, diện tích 360m² được giao khoán ổn định từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất năm 2016 là không có cơ sở. Gia đình ông Nguyễn Văn C bà Trương Thị O không cung cấp được giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để chứng minh gia đình ông bà được giao khoán và sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất. Thửa đất ông C bà O đang khiếu nại thể hiện trong sổ giao khoán của xã viên đội 1, HTXNN II lập năm 1992 là đất xư Vật Liệu cho mượn để sản xuất. Từ năm 2011, ông C bà O cũng không sản xuất trên thửa đất trên. Cho nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Quán B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B trình bày: Nguồn gốc một phần thửa đất 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² tại khối 9, phường Quán B thể hiện: Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 là đất mặt nước hoang (ký hiệu MN/Hg). Theo xác minh thì Hợp tác xã không giao khoán cho gia đình ông C bà O, trong sổ khoán tổng và sổ khoán của gia đình (sổ Thuần Hà) thể hiện đất xư vật liệu là đất mượn, gia đình ông C bà O không có sổ giao khoán gia đình. Hiện trạng đất bỏ hoang do ngập úng. Căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì khiếu nại của ông Nguyễn Văn C bà Trương Thị O về xác nhận nguồn gốc đất để đền bù là không có cơ sở. Do đó, Ủy ban nhân dân phường Quán B không xác nhận nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất cho ông C bà O; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và đồng ý với quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Quá trình đối thoại, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xem xét để bảo đảm quyền lợi cho người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 17; Điều 18; Điều 31; Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 22, khoản 2 Điều 77; khoản 2 Điều 101, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và Trương Thị O.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy;

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/4/2018 chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 2472/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C trú tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ngày 09/10/2018 ông Nguyễn Văn C bà Trương Thị O có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, thì đang

trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

Đối với Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Hành vi hành chính không xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là Quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan nên phải xem xét theo Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

[4] Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Đối với Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị O không đồng ý với Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã thành lập đoàn kiểm tra xác minh giải quyết khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của đoàn kiểm tra xác minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21, khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Về cơ sở pháp lý: Tại Quyết định số 2472/QĐ - UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 có nội dung ông Nguyễn Văn C khiếu nại Ủy ban nhân dân phường Quán B xác nhận nguồn gốc đất của gia đình ông là một phần thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² là khiếu nại sai.

Về diện tích 360m² thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23 nằm trong tổng diện tích 4.222,8m² tại khối 9, phường Quán B ông Nguyễn Văn C bà Trương Thị O cho rằng gia đình bà được giao khoán, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992 đến khi thu hồi đất.

Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện: Tại sổ mục kê quyền số 02 xã Hưng Đ, thành phố V ở trang số 23 tờ bản đồ số 23 thể hiện thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² chủ sử dụng là UBND xã loại đất mặt nước chưa sử dụng (ký hiệu MN/Hg).

Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 và bảng thống kê diện tích loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng; sổ mục kê đất đai năm 2001 thể hiện thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² tại khối 9, phường Quán B là loại đất mặt nước chưa sử dụng (ký hiệu MN/Hg). Trước năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ quản lý, từ năm 2005 đến nay do Ủy ban nhân dân phường Quán B quản lý, không giao cho ai sử dụng.

Theo xác minh thì Hợp tác xã không giao khoán, ông C bà O không có sổ giao khoán gia đình, thửa 258 tờ bản đồ số 23 chỉ có trong sổ Thuần Hà nhưng thể hiện đất xứ Vật Liệu là đất mượn sản xuất, trong sổ giao khoán tổng thể hiện đất xứ Vật Liệu là đất mượn. Năm 1993 mặc dù ông C bà O có sử dụng sản xuất cùng một số hộ khác đến năm 2011 nhưng không đăng ký việc sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các phiếu thu nộp sản lượng mà ông C cung cấp không thể hiện được việc gia đình ông C bà O được giao sử dụng ổn định một phần diện tích thửa 258. Trong sổ giao khoán hộ xã viên đội 1 Hợp tác xã nông nghiệp lập năm 1992 thể hiện thửa 258 tờ bản đồ số 23 là thửa đất tại xứ đồng Vật Liệu thuộc quỹ đất dự phòng của HTX NN Hưng Đ II và đội cho hộ ông Nguyễn Văn C mượn để sản xuất giống như một số hộ khác. Tại thời điểm thu hồi đất, trích lục đo và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất được Sở tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 07/4/2015 thể hiện thửa 258, tờ bản đồ 23 là đất có mặt nước chuyên dùng. Mặt khác ông C bà O cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho quyền sử dụng đất đối với diện tích 360m² của thửa đất 258. Từ năm 2011 đến khi thu hồi đất năm 2016, ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O không còn sản xuất trên thửa đất đó. Toàn bộ thửa đất bỏ hoang. Cho nên, việc ông C bà O yêu cầu xác nhận gia đình ông bà được giao khoán ổn định 360m² đất của thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, trong tổng diện tích 4.222,8m² tại khối 9, phường Quán B là không có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định Điều 21 Nghị định 43/2013/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 101; khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan:

Ông Nguyễn Văn C bà Trương Thị O có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Quán B xác nhận nguồn gốc đất bị thu hồi thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư để được bồi thường nhưng không được Ủy ban nhân dân phường Quán B chấp nhận nên có khiếu nại hành vi xác nhận nguồn gốc đất không đúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B sau khi kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B đã ban hành Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông C, bà O là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

Về nội dung: Tại Quyết định số 305/QĐ - UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) có nội dung “Điều 1: Ông Nguyễn Văn C ...khiếu nại Ủy ban nhân dân phường Quán B xác nhận nguồn gốc đất của ông ở một phần thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² là khiếu nại sai”. Xét thấy: Diện tích 360m² (trong tổng diện tích 4.222,8m²) thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23 không được hợp tác xã giao khoán, trong sổ giao khoán hợp tác xã và sổ giao khoán của gia đình thể hiện đất mượn. Tại thời điểm thu hồi đất, thửa

đất ông C yêu cầu đang bỏ hoang. Việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là do khai hoang và hiện trạng đang còn sản xuất. Do đó, Ủy ban nhân dân phường Quán B không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn C về yêu cầu xác định nguồn gốc 360m² đất của thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m² tại khối 9, phường Quán B để được lập phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng khoản 2 Điều 101; khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Điều 21 Nghị định 43/2013/NĐ - CP của Chính phủ.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 2 Điều 77, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O đối với yêu cầu:

Hủy Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C trú tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An (lần hai).

Hủy Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quán B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và buộc Ủy ban nhân dân phường Quán B xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa số 258, tờ bản đồ số 23, diện tích 360m² (trong toàn thửa là 4.222,8 m²) tại khối 9, phường Quán B, thành phố V, Nghệ An; Buộc phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 360m² đất, thửa số 258, tờ bản đồ số 23, cho gia đình ông Nguyễn Văn C.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An (tại biên lai số 0000952 ngày 26/12/2018).

Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Trần Quốc Sơn